

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2017/HSST

Ngày: 04 - 7 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.
2. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/TL-HSST ngày 20 tháng 6 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Bùi Công T, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1976;

Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Con ông Bùi Công H (đã chết) và bà Trần Thị M, sinh năm 1952;

Gia đình có hai anh em, T là con thứ 2;

Vợ là Trần Thị Hải A, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Có 1 con sinh năm 2003;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 54/2013/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2013 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt Bùi Công T 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 7 năm 2013, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo

khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự (ngày 17 tháng 4 năm 2015 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 23 tháng 6 năm 2014 chấp hành xong án phí);

Tạm giữ từ ngày 31 tháng 5 năm 2017 đến ngày 03 tháng 6 năm 2017 chuyển tạm giam cho đến nay;

(Bị cáo được trích xuất, có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

1. Ông Tô Minh T, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

2. Ông Trần Văn C, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ 24, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 31 tháng 5 năm 2017, Bùi Công T đi xe ôm từ nhà đến khu vực tổ 28, phường T, thành phố Thái Bình mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Tại đây, T đã gặp và mua của một người nam giới khoảng 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ, 02 gói Hêrôin với giá 150.000 đồng. Mua xong, T cầm 02 gói Hêrôin ở lòng bàn tay phải, đi bộ tìm chỗ vắng để sử dụng, khi đi đến khu vực đường T, thuộc tổ 29, phường T, thành phố Thái Bình thì bị Tổ công tác Công an phường T yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của ông Tô Minh T và ông Trần Văn C, Bùi Công T tự giác đưa từ lòng bàn tay phải giao nộp cho Tổ công tác 02 gói bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục, T khai đó là Hêrôin, T vừa mua mục đích sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng hợp pháp gửi giám định.

Kết luận giám định số 184/KLGD-PC54 ngày 31 tháng 5 năm 2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định thu giữ của Bùi Công T là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có trọng lượng 0,3761 gam *(không phẩy ba nghìn bảy trăm sáu mươi một gam)*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bùi Công T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số 109/KSĐT ngày 20 tháng 6 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Bùi Công T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố Bùi Công T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Bùi Công T mức án tù từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2017.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Bùi Công T hoàn trả sau giám định.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình, bố bị cáo là tử sĩ, mẹ đẻ bị cáo được UBND tỉnh tặng Bằng khen, vợ đã ly hôn, con đang ở cùng bị cáo, để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 31 tháng 5 năm 2017, tại khu vực đường T, thuộc tổ 29, phường T, thành phố T, Bùi Công T có hành vi tàng trữ trái phép 0,3761 gam Hêrôin, mục đích sử dụng cho bản thân, bị Tổ công tác Công an phường T, thành phố T phát hiện bắt quả tang.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì “*Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*”.

Hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật

chứng, kết luận giám định, lời khai người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của Bùi Công T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, ma túy không những gây tác hại cho sức khỏe, phá hoại hạnh phúc của bao gia đình mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Năm 2013 Bùi Công T bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tháng 4 năm 2015 T đã chấp hành xong bản án, theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 thì bản án trên chưa được xóa án tích nhưng theo hướng dẫn tại Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội thì bản án trên của T đã được xóa án tích, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng cần đánh giá bị cáo có nhân thân xấu. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, mẹ đẻ bị cáo được Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình tặng Bằng khen đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

So sánh quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm, cao hơn so với mức hình phạt tù từ một năm đến năm năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho người phạm tội, theo Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, và căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cần quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, để cải tạo giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung, nhất là trong bối cảnh hiện nay tội phạm ma túy có chiều hướng gia tăng và ngày càng phức tạp. Bùi Công T tàng trữ ma túy mục đích sử dụng cho bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Số ma túy thu giữ của Bùi Công T còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Về nguồn gốc số ma túy, Bùi Công T khai mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực tổ 28, phường T, thành phố T nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Bùi Công T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2] Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Công T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2017.

[3] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự xử tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của Bùi Công T còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 184/KLGD-PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

[4] Án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Công T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Công T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dương